

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 2: Personal Experiences](#)
 1. [A. Reading \(trang 13-14-15 SBT Tiếng Anh 11\)](#)
 2. [B. Language Focus \(trang 16-17-18-19 SBT Tiếng Anh 11\)](#)
 3. [C. Speaking \(trang 19 SBT Tiếng Anh 11\)](#)
 4. [D. Writing \(trang 19-20-21-22 SBT Tiếng Anh 11\)](#)

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 2: Personal Experiences

A. Reading (trang 13-14-15 SBT Tiếng Anh 11)

Part 1. Read the story and choose the best option A, B, C or D to answer or complete each of the following questions. (Đọc câu chuyện và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời hoặc hoàn thành các câu hỏi *sau*.)

Hướng dẫn dịch:

Ngày mà mọi thứ không như ý muốn

Đã bao giờ bạn có một ngày trong cuộc đời của bạn khi mọi thứ diễn ra không như ý muốn và bạn gặp rắc rối ở mọi chuyện? Thật không may, tôi đã có một ngày như vậy một vài tuần *trước*.

Đó là một ngày thứ sáu. Khi tôi tỉnh dậy, lúc đó là 7 giờ sáng. Mặt trời đã sáng rực. Tôi phải có mặt tại trạm xe bus muộn nhất vào lúc 7h15 để bắt chiếc xe buýt mà đến ngay *sau đó* một phút để tôi có thể đến trường vào lúc 7 giờ 30. Tôi vội vã đi tắm và bật vòi nước. Không có một *chút* nước nào, khô hoàn toàn! Tuy nhiên, tôi đã xoay sở bằng một xô nước, mà mẹ tôi đã để lại ở đó tối hôm *trước*. Tôi nhanh chóng mặc quần áo và chạy ra khỏi nhà không để mẹ biết. Mẹ tôi sẽ rất tức giận nếu biết tôi dậy muộn.

Tôi đến bên xe buýt rồi phát hiện ra rằng chiếc xe đã đi qua chỉ vài giây *trước* đó. Tôi nhận ra không có học sinh nào khác ở trạm dừng xe buýt. Tôi không còn cách nào khác ngoài việc gọi taxi. Tôi may mắn gọi được 1 chiếc xe và nhảy vào đó. Tôi vui hơn một *chút* nghĩ rằng tôi sẽ đến trường đúng giờ. Khi tôi đưa tay vào túi để trả tiền taxi, tôi sững sờ phát hiện ra chiếc túi trống rỗng. Tôi không có tiền! “Tôi phải làm gì đây?” Khi xe taxi dừng lại ở cổng trường của tôi, tôi đã gặp giáo viên chủ nhiệm của mình. Tôi đã giải thích cho thầy nghe và thầy đã giúp tôi trả tiền. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và chạy đến lớp. Tôi lấy lại tinh thần khi thấy rằng mình đã đến trường *trước* khi chuông reo. Tôi vội vàng lên cầu thang lên lớp học của tôi ở tầng ba. Khi tôi lên gác cầu thang cuối cùng, tôi trượt chân và ngã xuống, đập cánh tay xuống. Tôi đã luôn nhớ đặt đồng hồ báo thức *trước* khi đi ngủ kể từ lần đó.

Đáp án:

1. C 2. A 3. C 4. B 5. D 6. B 7. A

Part 2. Read the story and choose the best option A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (Đọc câu chuyện và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để chọn ra câu trả lời đúng cho các câu hỏi **sau**.)

Hướng dẫn dịch:

Một trải nghiệm đầy bối rối

Khi tôi còn là sinh viên, tôi đã có một **công** việc hè tại một nhà hàng sang trọng ở Glasgow. Một hôm **chúng** tôi đón tiếp bốn mươi thành viên của một đội bóng đá tới ăn trưa. Tôi được giao việc gọt khoai tây. Tôi nghĩ tôi xoay sở khá tốt với con dao nhỏ của tôi cho đến khi bà chủ xuất hiện để xem tôi làm việc thế nào. Bà ấy rất ngạc nhiên vì tôi đã sử dụng một con dao và hỏi tại sao tôi không sử dụng máy lát khoai tây. Tôi không biết chiếc máy lát khoai tây là gì nên bà ấy đã dẫn tôi vào một căn phòng nhỏ phía **sau** bếp chính. Ở đó, trên bàn, là một cái máy nhỏ như thùng rác một số người có trong phòng tắm của họ. Bà ấy giải thích như thể nói với một đứa trẻ nhỏ rằng tôi phải đặt khoai tây vào, đóng nắp và nhấn nút. Khi bà ấy trở lại mười phút **sau**, tôi nói với bà ấy tôi nghĩ rằng có vẻ sẽ nhanh hơn nếu làm bằng tay. Bà ấy hỏi tôi nói thế có nghĩa là gì. "À, **chúng** có vẻ chưa sẵn sàng," tôi trả lời. Bạn có thể tưởng tượng tôi cảm thấy như thế nào khi **cô** ấy nâng nắp lên và lấy khoai tây cỡ hạt đậu ra. Máy gọt vỏ khoai tây không hề chạy tự động.

Đáp án:

1. A 2. C 3. B 4. D 5. B

B. Language Focus (trang 16-17-18-19 SBT Tiếng Anh 11)

Exercise 1. Practise reading the following words paying attention to the different ending sounds /ŋ/, /n/, and /m/. (Thực hành đọc những từ **sau** **chú** ý đến sự khác biệt của các âm đuôi /ŋ/, /n/ và /m/.)

Cách đọc:

1. A. /θɪŋ/ B. /θɪm/ C. /θi:m/
2. A. /sɪŋ/ B. /sɪn/ C. /si:m/

3. A. /ræŋ/ B. /ræn/ C. /ræm/
4. A. /sʌŋ/ B. /sʌn/ C. /sʌm/
5. A. /'bi:ŋ/ B. /bi:n/ C. /bi:m/

Exercise 2. Find words which contain ending sounds /ŋ/, /n/, and /m/ in the story in part 1 in A, write them in their correct columns and then practise reading them aloud. (Tìm những từ chứa âm đuôi /ŋ/, /n/ và /m/ trong câu chuyện ở phần 1 của phần A, viết **chúng** vào đúng cột và thực hành đọc to **chúng** lên.)

Đáp án:

/ŋ/ Everything, wrong, shining, thinking, breaking, going

/n/ When, sun, turned, situation, then

/m/ Bathroom, arm, alarm

Exercise 3. Choose the best option A, B, C or D to complete each of the sentences. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thiện các câu **sau**.)

Đáp án:

1. B 2. C 3. C 4. D

5. A 6. B 7. A 8. D

Hướng dẫn dịch:

1. Tôi đột nhiên nhớ rằng tôi đã để quên chìa khóa của tôi.
2. Trong khi Diana đang xem chương trình tivi yêu thích của **cô** ấy thì mất điện.
3. Ai đã lái xe trong thời điểm tai nạn xảy ra?
4. **Trước** khi Sheila quay lại thì Chris đã về nhà.
5. David đã ăn đồ ăn Nhật **trước** đó, nên anh ấy biết đặt món gì.
6. Hôm qua trong khi tôi đang đi mua sắm, tôi đã gặp bạn của bạn.
7. Chính xác là bạn đã đang làm gì ngày hôm qua khi tôi đến văn phòng của bạn?

8. Laura đã bỏ lỡ bữa tiệc vì không có ai nhắc **cô** ấy về nó.

Exercise 4. Choose the best option A, B, c or D to complete each of the sentences. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu **sau**.)

Đáp án:

1. C 2. B 3. A 4. B

5. B 6. A 7. B

Hướng dẫn dịch:

1. Trong khi tôi đang cố gắng khởi động chiếc xe, một chiếc xe đi ngang qua đã dừng lại và người lái xe đã giúp đỡ tôi.

2. Tôi đã không xem bộ phim tối qua vì tôi đã xem nó vài lần **trước** đó rồi.

3. Mary lúc đó đã không đeo kính, bởi vậy **cô** ấy đã không nhìn thấy màu sắc chiếc áo của người đàn ông đó là gì.

4. Nick nằm xuống thăm cỏ một lúc, kế bên là một vài du khách đang cho những con vịt ăn trong ao.

5. Xin lỗi, tôi đã không trả lời điện thoại được vì lúc đó tôi đang tắm.

6. Helen đã cảm thấy mệt mỏi, và khi **cô** ấy hoàn thành **công** việc, **cô** ấy đã ngủ ngay.

7. Đêm qua, chị ấy đã dành hàng giờ làm bài tập về nhà nhưng chị ấy đã không thể làm nó mặc dù **cô** giáo đã giải thích rất cẩn thận trên lớp.

Exercise 5. Choose the best option A, B, C or D to complete each of the sentences. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thiện các câu **sau**.)

Đáp án:

1. B 2. C 3. C 4. C

5. C 6. A 7. C 8. A

Hướng dẫn dịch:

1. Trong khi tôi đang tắm, ai đó đã gõ cửa.

2. Sally đã không đến xem trận đấu **trước** đó.
3. Harry đã cố gắng sửa chiếc xe nhưng anh ấy đã không biết anh ấy đang làm gì.
4. Hôm qua bạn đã mặc gì đến dự bữa tiệc của Helen?
5. Bạn đã ăn mì Ý hàng ngày khi bạn sống ở Ý chứ?
6. Tôi đã không biết bạn đã mua chiếc xe mới.
7. “Một ngày thật tồi tệ!”, Lucy đã nghĩ vậy. Mọi thứ đã không như ý.
8. Ngày khi Maggie đi bộ về nhà, **cô** ấy đã cố gắng nhớ lại điều gì đã xảy ra.

C. Speaking (trang 19 SBT Tiếng Anh 11)

Alan and Smith are talking about their past experiences. Write the questions for the answers in their conversation. (Alan và Smith đang nói chuyện về những trải nghiệm của họ trong quá khứ. Viết các câu hỏi cho các câu trả lời trong đoạn hội thoại.)

Hướng dẫn dịch:

Alan: Cậu đã đi nhiều nước chưa Smith?

Smith: Chưa nhiều lắm. Mình chỉ mới tới Ý và Tây Ban Nha.

Alan: Cậu tới Ý khi nào?

Smith: Nước Ý à? Chưa lâu lắm thì phải. Mình mới đi năm ngoái.

Alan: Cậu qua đó **công** tác à?

Smith: Không, không phải **công** tác. Mình đi du lịch thôi.

Alan: Cậu đi với ai?

Smith: Anh trai mình. Anh ấy **trước** đó cũng đi Ý rồi, vậy nên anh ấy như kiểu là hướng dẫn viên du lịch của mình vậy, anh ấy đưa mình đi rất nhiều nơi.

Alan: Cậu có thấy thích thú không?

Smith: Có chứ, rất nhiều là đằng khác. Mình thậm chí trân trọng từng khoảnh khắc ở đó.

Alan: Cậu thích điều gì ở đó nhất?

Smith: Chắc là mọi thứ luôn. Mà có thể điều mình thích nhất là thời tiết, nhiều nắng, trời xanh và gió mát lạnh,...

Alan: Cậu có muốn tới đó nữa không?

Smith: Có chứ, **chắc chắn** rồi. Mình đang tiết kiệm tiền để có thể tới đó lần nữa.

Đáp án:

1. Have you been to many countries, Smith?
2. When did you go to Italy?
3. Did you go there on business?
4. Who did you go with?
5. Did you enjoy your time there?
6. What did you like most there?
7. Would you like to go there again?

D. Writing (trang 19-20-21-22 SBT Tiếng Anh 11)

Exercise 1. Choose the best option A, B, C or D to indicate the correct sentence made from the given words and phrases. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để chọn ra câu văn đúng được tạo từ các từ và cụm từ đã cho.)

Đáp án:

1. B 2. A 3. A 4. B 5. A 6. C
7. A 8. D 9. B 10. A 11. B

Hướng dẫn dịch:

1. Dạo này bạn thế nào rồi?
2. Hãy để tôi kể bạn nghe về kỳ nghỉ lần **trước** của tôi với ông bà tôi.
3. Nó đã gần 1 năm **trước** rồi.

4. Nó là một trong những trải nghiệm quý giá nhất mà tôi đã từng trải qua.
5. Tôi đã ở với ông bà tôi và đã làm rất nhiều điều thú vị.
6. Phần thú vị nhất là khi tôi hái hoa quả và đem **chúng** đi bán.
7. Khi tôi đang vận chuyển sản phẩm đến các cửa hàng tạp hóa ở địa phương thì chiếc xe đạp của tôi bị hỏng và những túi hoa quả đã rơi xuống.
8. Khi tôi đang rất bối rối thì rất nhiều người đã đến giúp tôi.
9. Một vài người đã giúp tôi sửa chiếc xe và những người khác giúp tôi nhặt hoa quả.
10. Tôi đã rất cảm động khi họ ngỏ lời đưa tôi đến cửa hàng hoa quả.
11. Có rất nhiều tốt bụng xung quanh ta.

Exercise 2. Write a letter (of about 120 words) to your pen pal telling him/her about one of your most memorable past experiences. Your letter should include the following main points: (Viết 1 bức thư (khoảng 120 từ) với người bạn qua thư về 1 trong những trải nghiệm đáng nhớ nhất trong quá khứ của bạn. Bức thư nên có những ý chính **sau**.)

- what the name of experience was (tên trải nghiệm đó là gì)
- when it happened (điều gì đã xảy ra)
- where it happened (nó đã xảy ra ở đâu)
- how it happened (nó đã xảy ra như thế nào)
- who were involved (ai đã tham gia vào)
- how the experience affected you (trải nghiệm đó ảnh hưởng đến bạn như thế nào)

Bài mẫu:

Dear Mary,

I'm fine. And you? I'm very glad writing letter to you. I will tell you about one of my most memorable past experiences. Last month, my mother told me to bring a raincoat before I went to school but I did not obey. When I went home, suddenly it rained. It rained more and more heavily. I decided to go home in rain without raincoat. That night, I'm seriously ill. I was pity when seeing my parents looked after me and worry about me.

I hope you won't do it as me. I look forward to hearing from you soon.

Your friend,

Mai

Hướng dẫn dịch:

Mary thân mến,

Mình ôn. Còn bạn thì sao? Mình rất vui khi viết thư cho bạn. Mình sẽ kể cho bạn nghe về một trong những trải nghiệm đáng nhớ nhất trong quá khứ của mình. Tháng **trước**, mẹ mình bảo mình mang theo áo mưa **trước** khi đi học nhưng mình đã không vâng lời. Khi mình về nhà, đột nhiên trời mưa. Trời mưa nhiều hơn và nhiều hơn nữa. Mình đã quyết định về nhà trong mưa mà không có áo mưa. Đêm đó, mình bị ốm nặng. Mình cảm thấy rất hối hận khi nhìn thấy cha mẹ chăm sóc và lo lắng cho mình.

Mình hy vọng bạn sẽ không hành động như mình. Mình mong sớm nhận được hồi âm từ bạn.

Bạn của bạn,

Mai.